

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Thaiholdings**

Mã chứng khoán: THD

Địa chỉ trụ sở chính: Số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số: 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Kiểm toán độc lập Công ty Cổ phần Thaiholdings gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Công ty Cổ phần Thaiholdings xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 620% so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2018 như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 tăng 649,2 tỷ giá vốn bán hàng năm 2019 chiếm 80% giảm so với cùng năm 2018 (90%) nên lợi nhuận gộp so với cùng kỳ tăng: 75,88 tỷ.

Doanh thu khác không có.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 12,1 tỷ đồng vì chi phí tài chính và chi phí bán hàng tăng cao so với cùng kỳ là 11,7 tỷ đồng.

Do chi phí trả cho hoạt động doanh nghiệp tăng lên, đồng thời với chi phí thuê văn phòng công ty làm tăng chi phí QLDN: 2,74 tỷ đồng.

Trên đây là các giải trình của Công ty Cổ phần Thaiholdings về biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 so với Báo cáo tài chính tổng hợp do kiểm toán độc lập năm 2018 của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: PC, TCHC, CBTT.



Vũ Đình Hưng

Thaiholdings®

Số: 07/2020/THD-CV

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Thaiholdings**

Mã chứng khoán: THD

Địa chỉ trụ sở chính: Số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Mã Số Thuế: 0105202998.

Nội dung của thông bố thông tin: Giải trình lợi nhuận (trước thuế) trước và sau kiểm toán chênh lệch 2,5% tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.

Lợi nhuận kế toán (trước thuế) tại báo cáo tài chính năm 2019 do công ty tự lập trước kiểm toán so với lợi nhuận trên báo cáo tài chính tổng hợp sau khi kiểm toán của công ty thay đổi như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế lũy kế đến hết quý IV năm 2019 theo báo cáo doanh nghiệp tự lập là: 58.629.224.575 đồng, còn theo báo cáo kiểm toán năm 2019 là 60.103.984.864 đồng. Nguyên nhân là do công ty không đủ điều kiện ghi nhận khoản lợi nhuận từ hợp đồng tư vấn khảo sát giới thiệu đối tác nhận chuyển nhượng cổ phần của công ty Cổ phần Thailand là; 20,45 tỷ đồng và chi phí trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư tài chính vào công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội giảm từ 33,48 tỷ đồng xuống còn 11,56 tỷ đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: PC, TCHC, CBTT.



Vũ Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2011 và được đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 09 tháng 03 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105202998 thay đổi lần thứ 14 cấp ngày 09 tháng 03 năm 2020 là 539.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn./.*)

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú:</u>
- Ông Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 (i) và miễn nhiệm ngày 29/02/2020 (iii)
- Ông Nguyễn Chí Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020 (iv)
- Ông Nguyễn Chí Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 (ii)
- Ông Vũ Đình Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 (ii)
- Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 (ii) và miễn nhiệm ngày 29/02/2020 (iii)
- Ông Vũ Ngọc Định	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019 (ii) và miễn nhiệm ngày 29/02/2020 (iii)
- Bà Nguyễn Thị Vui	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 /04/2019
- Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020 (iii)
- Ông Bùi Xuân Thức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020 (iii)
- Ông Trương Anh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020 (iii)

- (i) Theo Nghị quyết số 40/2019/Thaiholdings/ND-HĐQT ngày 18/04/2019;
(ii) Theo Nghị quyết số 09/2019/Thaiholdings/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019;
(iii) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/02/2020;
(iv) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-THD ngày 29/02/2020;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú:</u>
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/02/2019 theo Quyết định số 29/2019/QĐ-THs
- Ông Vũ Ngọc Định	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/02/2019 theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT và miễn nhiệm ngày 29/02/2020 theo Quyết định số 02/2020/QĐ-HĐQT/THD
- Ông Vũ Đình Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020 theo Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐQT/THD
- Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng giám đốc	
- Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/02/2019 theo Quyết định số 31/2019/QĐ-THs
- Ông Vũ Hoàng	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2019 theo Quyết định số 28/2019/QĐ-THs
- Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2019 theo Quyết định số 30/2019/QĐ-THs

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú:</u>
- Bà Nguyễn Thị Vụ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019(v)
- Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019(v)
- Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019(v)

(v) Theo Nghị quyết số 09/2019/Thaiholdings/NQ- ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 210, đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 01 số 01/2019/Thaiholdings/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh tương ứng với số vốn góp 252.066.000.000VND và việc tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi các cổ đông góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh lên thêm 150.000.000.000VND.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2803/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2019 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên và Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc miễn nhiệm thành viên và bổ nhiệm thành viên mới trong Hội đồng Quản trị, ủy quyền cho HĐQT quyết định các khoản đầu tư, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng tài sản Công ty tại báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán và quyết định các giao dịch với các bên liên quan, phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (dự kiến trong năm 2020), sửa đổi Điều lệ Công ty.

Nghị quyết HĐQT số 01/2020/QĐ-THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc bầu ông Nguyễn Chí Kiên đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024 từ ngày 29/02/2020.

Nghị quyết HĐQT số 03/2020/QĐ-THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua bổ nhiệm ông Vũ Đình Hưng đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 29/02/2020.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Hưng

Số: 58/2020/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Công ty Cổ phần Thaiholdings

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Thaiholdings**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Thaiholdings được lập ngày 06 tháng 05 năm 2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thaiholdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán số 297/VACO/BCKIT.NV2 ngày 30/05/2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Xuân Hòa
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0909-2018-242-1

Nguyễn Thị Thùy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4057-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		180.282.719.450	179.483.666.518
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.307.089.928	10.686.199.710
1. Tiền	111		307.089.928	10.686.199.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.953.001.770	168.797.466.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	169.828.364.177	17.273.672.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	209.455.400	72.889.978.640
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	8.482.193	78.727.115.278
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.6	(93.300.000)	(93.300.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.627.752	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	22.627.752	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		670.217.784.395	27.270.061.962
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	5.4	500.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		500.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		3.574.894.373	4.033.414.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.574.894.373	4.033.414.373
- Nguyên giá	222		4.790.699.282	4.790.699.282
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.215.804.909)	(757.284.909)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	637.524.187.453	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		649.082.660.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.558.472.547)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.618.702.569	23.236.647.589
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	28.618.702.569	23.236.647.589
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		850.500.503.845	206.753.728.480

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

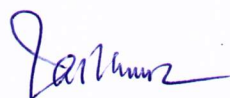
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		246.307.090.995	52.172.695.135
I. Nợ ngắn hạn	310		194.528.304.504	51.672.695.135
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	129.897.877.620	8.753.671.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	22.500.000.000	4.317.670.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	15.530.841.533	4.089.552.208
4. Phải trả người lao động	314		538.817.498	65.474.330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	26.482.192	45.238.356
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	7.750.089.562	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	384.196.099	1.088.530
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	17.900.000.000	34.400.000.000
II. Nợ dài hạn	330		51.778.786.491	500.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	5.778.786.491	500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	46.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		604.193.412.850	154.581.033.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	604.193.412.850	154.581.033.345
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		539.000.000.000	136.934.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		539.000.000.000	136.934.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		65.193.412.850	17.647.033.345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.647.033.345	10.057.668.811
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		47.546.379.505	7.589.364.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		850.500.503.845	206.753.728.480

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

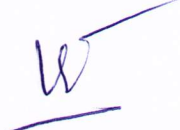
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	760.462.629.245	111.251.537.064
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		760.462.629.245	111.251.537.064
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	677.081.565.876	103.752.966.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.381.063.369	7.498.570.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2.216.722	12.103.420.338
7. Chi phí tài chính	22	6.5	14.305.840.284	3.020.600.860
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.747.352.880	3.019.660.277
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	416.433.850	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.452.559.713	5.717.113.844
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.208.446.244	10.864.276.474
11. Thu nhập khác	31		-	320
12. Chi phí khác	32	6.6	104.461.380	166.292.621
13. Lợi nhuận khác	40		(104.461.380)	(166.292.301)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.103.984.864	10.697.984.173
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	12.557.605.359	3.108.619.639
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		47.546.379.505	7.589.364.534
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.147	554
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		160	554

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hà

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.103.984.864	10.697.984.173
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		458.520.000	458.520.000
- Các khoản dự phòng	03		11.558.472.547	93.300.000
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(31.743)	940.583
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.184.979)	(12.103.420.338)
- Chi phí lãi vay	06		2.747.352.880	3.019.660.277
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.866.113.569	2.166.984.695
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(80.095.534.962)	120.665.044.705
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	6.357.485.842
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		155.185.410.140	(16.004.410.988)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.404.682.732)	1.576.013.606
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.747.352.880)	(3.092.558.907)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.108.619.639)	(1.054.638.518)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		138.695.333.496	110.613.920.435
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(93.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	93.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(649.082.660.000)	(75.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		78.440.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.184.979	8.576.305.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(570.640.475.021)	(66.623.694.940)

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Mẫu số B03-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		402.066.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		128.400.000.000	34.400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(98.900.000.000)	(70.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		431.566.000.000	(35.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(379.141.525)	8.390.225.495
Tiền và tương đương tiền năm	60		10.686.199.710	2.296.914.798
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		31.743	(940.583)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		10.307.089.928	10.686.199.710

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2011 và được đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 09 tháng 03 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105202998 thay đổi lần thứ 14 cấp ngày 09 tháng 03 năm 2020 là 539.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn ./.*)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình kỹ thuật, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, nạo vét các tuyến sông và công trình thủy lợi, khoan phụt, gia cố đê điều,...
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản
- Ngành nghề kinh doanh khác theo chứng nhận đăng ký hành nghề kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực Kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.



3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 03 tháng).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (ii) Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

4.14. Thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

- Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15. Bù trừ các công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt	114.051.403	10.634.598.706
Tiền gửi ngân hàng	193.038.525	51.601.004
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	-
Cộng	10.307.089.928	10.686.199.710

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0112/271219/HDTG/SHB.110600 ngày 27/12/2019 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng), lãi suất 5%/năm, kỳ hạn 1 tháng, lãi nhập gốc và tự động gia hạn, tiền lãi trả vào cuối kỳ hạn.

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	169.828.364.177	17.273.672.890
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	164.325.933.603	16.029.257.260
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sunrise</i>	164.325.933.603	-
<i>Công ty Cổ phần Bình Minh Group</i>	-	9.460.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Điện Quảng Nam</i>	-	6.569.257.260
Phải thu khách hàng khác	5.502.430.574	1.244.415.630
Cộng	169.828.364.177	17.273.672.890
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Điện Quảng Nam	-	6.569.257.260
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	1.101.415.630	1.101.415.630
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	838.169.336	-
Cộng	1.939.584.966	7.670.672.890

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinakanto	-	71.054.452.138
Công ty TNHH Kiểm toán VACO	95.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng Coninco	69.300.000	69.300.000
Các công ty khác	45.155.400	1.766.226.502
Cộng	209.455.400	72.889.978.640

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Vinakanto</i>	-	-	59.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sunrise</i>	-	-	19.440.000.000	-
- Phải trả, phải nộp khác (dư Nợ)	8.482.193	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	-	-	287.115.278	-
+ Nguyễn Chí Kiên	-	-	287.115.278	-
Cộng	8.482.193		78.727.115.278	
b) Dài hạn	500.000.000			
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	500.000.000	-	-	-
Cộng	500.000.000			
c) Phải thu khác là bên liên quan				
- Nguyễn Chí Kiên	-		287.115.278	
- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	500.000.000		-	

(*) Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại số 17 đường Tông Đản và 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS giữa Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội và Công ty Cổ phần Thaiholdings

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	22.627.752	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.627.752	-
b) Dài hạn	28.618.702.569	23.236.647.589
Chi phí thuê lô đất tại 2B Lê Phụng Hiểu (i)	21.575.841.500	23.115.466.554
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản (ii)	6.954.495.232	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	88.365.837	121.181.035
Cộng	28.641.330.321	23.236.647.589

Chi tiết

(i) Tổng số tiền thuê tại Lô đất ở địa chỉ 2B, Lê Phụng Hiểu, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ, tổng giá thuê là 29.700.000.000 VND; Hợp đồng có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi bị chấm dứt theo các quy định của Pháp luật

(ii) Tổng số tiền thuê tại tầng 1, 2, 16, 17, 19 và 21 tòa nhà số 17 đường Tôn Đản, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Hợp đồng nguyên tắc số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 và các phụ lục kèm theo, giá thuê phụ thuộc vào giá Công ty cho thuê lại được quy định trong từng phụ lục ở từng thời kỳ. Hợp đồng có hiệu lực 15 năm kể từ ngày ký, trừ khi bị chấm dứt theo quy định của Pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

5.6 . NỢ XẤU

Đơn vị: VND

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Thiết kế Kỹ thuật và Xây lắp Thịnh Phát	24.000.000	-	(24.000.000)	24.000.000	-	(24.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng Coninco	69.300.000	-	(69.300.000)	69.300.000	-	(69.300.000)
Cộng	93.300.000	-	(93.300.000)	93.300.000	-	(93.300.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	649.082.660.000	(*)	(11.558.472.547)	-	-	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên - tỷ lệ quyền biểu quyết 17,2% (i)	365.082.660.000	(*)	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội - tỷ lệ quyền biểu quyết 19,52% (ii)	284.000.000.000	(*)	(11.558.472.547)	-	-	-
Cộng	649.082.660.000	(*)	(11.558.472.547)	-	-	-

(i) Theo Nghị quyết số 2803/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2019 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên. Theo Nghị quyết số 1904/2019/NQ-HĐQT ngày 19/04/2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện mua phần cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên với giá mua 305.100 VND/cổ phần vào ngày 24/04/2019. Giá giao dịch cổ phiếu được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá số 190419/TĐG-CT ngày 19/04/2019 do Công ty TNHH Kiểm toán Asco phát hành cho mục đích tham khảo làm cơ sở mua bán cổ phiếu, giá tham khảo là 304.914VND/cổ phần. Giá trị đầu giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên tại ngày 27/04/2018 là 305.053VND/cổ phần. Sau khi nhận chuyển nhượng, tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên là 1.196.600 cổ phần, chiếm 17,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên.

(ii) Theo Nghị quyết số 2803/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2019 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội. Theo Nghị quyết số 2903/2019/NQ-HĐQT ngày 29/03/2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện mua phần cổ phần của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội với giá mua 20.000 VND/cổ phần vào ngày 29/03/2019. Giá giao dịch cổ phiếu được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá số 050319/TĐG-CT ngày 05/03/2019 do Công ty TNHH Kiểm toán Asco phát hành cho mục đích tham khảo làm cơ sở mua bán cổ phiếu, giá tham khảo là 25.435VND/cổ phần. Sau khi nhận chuyển nhượng, tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội là 14.200.000 cổ phần, chiếm 19,52% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các khoản đầu tư trong năm

- Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn...

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên năm 2019 có lợi nhuận sau thuế là: 12.528.159.177 VND

- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội hoạt động trong lĩnh vực bất động sản

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội năm 2019 lợi nhuận kế toán trước thuế là (58.743.500.083) VND

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với các công ty đầu tư góp vốn vào

Thuê văn phòng của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội 13.596.294.825 VND

Thanh toán tiền thuê Văn phòng 12.138.020.304 VND

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư

Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội (11.558.472.547) VND

(*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tài sản cố định

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	272.727.273	4.448.881.100	69.090.909	4.790.699.282
Tăng trong năm				
Giảm trong năm				
Số dư cuối năm	272.727.273	4.448.881.100	69.090.909	4.790.699.282
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	57.936.000	630.258.000	69.090.909	757.284.909
Tăng trong năm	13.632.000	444.888.000		458.520.000
- Số khấu hao trong năm	13.632.000	444.888.000		458.520.000
Giảm trong năm				
Số dư cuối năm	71.568.000	1.075.146.000	69.090.909	1.215.804.909
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	214.791.273	3.818.623.100	-	4.033.414.373
2. Tại ngày cuối năm	201.159.273	3.373.735.100	-	3.574.894.373
- Giá trị còn lại của TSCĐ thế chấp, cầm cố:			-	VND
- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết, đang sử dụng:			69.090.909	VND

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	129.897.877.620	129.897.877.620	8.753.671.111	8.753.671.111
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	126.539.341.394	126.539.341.394	8.185.030.000	8.185.030.000
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành</i>	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000
<i>Piet Boon Studio</i>	1.044.379.000	1.044.379.000	1.966.419.000	1.966.419.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vững Áng</i>	119.276.351.394	119.276.351.394	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	3.358.536.226	3.358.536.226	568.641.111	568.641.111
Cộng	129.897.877.620	129.897.877.620	8.753.671.111	8.753.671.111
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành</i>	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000
<i>Công ty CP Tôn Dân Hà Nội</i>	2.817.904.005	2.817.904.005	-	-
<i>Công ty Cổ phần Thailand</i>			28.008.890	28.008.890
Cộng	9.036.515.005	9.036.515.005	6.246.619.890	6.246.619.890

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.500.000.000	4.317.670.600
Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto		4.317.670.600
Ông Nguyễn Đức Thụy	22.500.000.000	-
Cộng	22.500.000.000	4.317.670.600
c) Người mua trả tiền trước là bên liên quan		
Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto		4.317.670.600
Ông Nguyễn Đức Thụy	22.500.000.000	
Cộng	22.500.000.000	4.317.670.600

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019				01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	17.900.000.000	17.900.000.000	82.400.000.000	98.900.000.000	34.400.000.000	34.400.000.000
Vay cá nhân	-	-	48.000.000.000	48.000.000.000	-	-
- Ông Vũ Ngọc Định	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Ông Đinh Duy Quỳnh	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Ông Đinh Xuân Tuấn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Chí Kiên	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Ông Trần Quốc Trụ	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Vay ngân hàng VND	17.900.000.000	17.900.000.000	34.400.000.000	50.900.000.000	34.400.000.000	34.400.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Trung Yên (i)	17.900.000.000	17.900.000.000	34.400.000.000	50.900.000.000	34.400.000.000	34.400.000.000
b) Vay dài hạn	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vũng Áng (ii)	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000			
Cộng	63.900.000.000	63.900.000.000	128.400.000.000	98.900.000.000	34.400.000.000	34.400.000.000

Chi tiết các khoản vay như sau:

(i) Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201900984 ngày 01/11/2019 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung Yên, hạn mức tín dụng 34.400.000.000 VND, thời hạn cấp tín dụng: 07 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng, thời gian vay được cụ thể trong các Giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa theo Hợp đồng nguyên tắc số 01.03/2019/HĐNT/VA-THS ngày 01/03/2019. Khoản vay được đảm bảo bằng biện pháp bảo đảm cụ thể như sau: Tài sản của Công ty là xe ô tô nhãn hiệu LEXUS LX 570 mang biển đăng ký 30E-736.85 giá trị 6.080.000.000 đồng; Tài sản của bên thứ 3 là giá trị quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số: CB 832278 giá trị 18.000.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng vay số 01/2019/HĐV/THS-VA ngày 15/10/2019 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vũng Áng, Công ty thực hiện chuyển công nợ tiền hàng theo hợp đồng nguyên tắc số 01.03/2019/HĐNT/VA-THS ngày 01/03/2019 về cung cấp vật liệu xây dựng sang khoản vay có thời hạn 15 tháng, số tiền vay 46 tỷ đồng, thời gian ân hạn là 3 tháng kể từ ngày vay, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng với 4%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Việc trả gốc vay có thể được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trong thời gian vay phụ thuộc vào tình hình tài chính của Công ty hoặc yêu cầu của bên cho vay mà không chịu bất kỳ khoản phạt trả nợ trước hạn nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	31/12/2019
- Thuế GTGT	877.127.258	76.898.656.421	74.905.130.084	2.870.653.595
- Thuế TNDN	3.108.619.639	12.557.605.359	3.108.619.639	12.557.605.359
- Thuế TNCN	309.574	207.815.943	171.038.956	37.086.561
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	642.927.305	642.927.305	-
- Các loại thuế khác	103.495.737	155.532.228	193.531.947	65.496.018
Cộng	4.089.552.208	90.462.537.256	79.021.247.931	15.530.841.533

b) Phải thu

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	26.482.192	45.238.356
- Lãi vay phải trả	26.482.192	45.238.356
b) Dài hạn	-	-
Cộng	26.482.192	45.238.356

5.14 Các khoản phải trả khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	384.196.099	1.088.530
- Kinh phí công đoàn	38.422.020	158.530
- Bảo hiểm xã hội	73.617.630	-
- Bảo hiểm y tế	13.468.229	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.688.220	-
- Phải trả, phải nộp khác	-	930.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	250.000.000	-
b) Dài hạn	5.778.786.491	500.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.778.786.491	500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.412.658.228	-
Ông Nguyễn Trọng Đại	1.374.735.780	-
Hanwha Energy Corporation Singapore	922.539.150	-
Công ty TNHH Đầu tư Central Capital	851.192.185	-
Công ty TNHH Tân Phát New Development	528.122.876	-
Công ty Cổ phần Giải trí Tràng An	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh	189.538.272	-
Cộng	6.162.982.590	501.088.530

5.15 . Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	7.750.089.562	-
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê văn phòng	7.750.089.562	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	7.750.089.562	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	136.934.000.000		10.057.668.811	146.991.668.811
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi trong năm trước			7.589.364.534	7.589.364.534
Phân phối lợi nhuận				-
Giảm khác				-
Số dư đầu năm nay	136.934.000.000	-	17.647.033.345	154.581.033.345
Tăng vốn trong năm (*)	402.066.000.000			402.066.000.000
Lãi trong năm			47.546.379.505	47.546.379.505
Lỗ trong năm				-
Giảm khác				-
Số dư cuối năm	539.000.000.000	-	65.193.412.850	604.193.412.850

(*) Nghị quyết ĐHCĐ bất thường lần 1 số 01/2019/Thaiholdings/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2019 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh tương ứng với số vốn góp 252.066.000.000VND và việc tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi các cổ đông góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh lên thêm 150.000.000.000VND. Kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2019/Thaiholdings/NQ-HĐQT ngày 25/04/2019, cụ thể như sau:

+ Góp bổ sung theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 24/03/2011 và lần thứ 11 ngày 29/04/2019, số vốn điều lệ của Công ty là 389.000.000.000 VND. Tại ngày 01/01/2019, số vốn thực góp là 136.934.000.000 VND, số vốn góp còn thiếu là 252.066.000.000 VND

+ Phát hành cổ phần bổ sung vốn điều lệ

Công ty thực hiện phát hành thêm 15.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, mệnh giá 10.000VND/cổ phần tương đương với 150.000.000.000 VND.

Tính đến ngày 24/04/2019, Các cổ đông hiện hữu đã góp đủ số vốn còn thiếu và góp bổ sung thêm vào vốn điều lệ 15.000.000 cổ phần, cụ thể như sau:

Họ và tên cổ đông	Số tiền góp thêm	Hình thức góp vốn
- Ông Nguyễn Đức Thụy	161.391.500.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
- Ông Nguyễn Chí Kiên	87.300.000.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
- Ông Vũ Ngọc Định	153.374.500.000	Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng
Cộng	402.066.000.000	

Công ty đã dùng vốn góp này để đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên và Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội, cụ thể như sau:

Đối tượng	Giá mua	Số cổ phần	Tổng giá trị đầu tư trong năm	Nguồn góp vốn trong năm	Nguồn khác
Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (i)	305.100	1.196.600	365.082.660.000	118.066.000.000	247.016.660.000
Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội (ii)	20.000	14.200.000	284.000.000.000	284.000.000.000	-
Cộng			649.082.660.000	402.066.000.000	247.016.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Căn cứ Nghị quyết của HĐQT số 2603/2019/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án mua cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên và Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội, chi tiết như sau:

(i) Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên, giá mua không quá 310.000VND/cổ phần, số lượng cổ phần mua không quá 1.200.000 cổ phần. Qua đó, Công ty đã thực hiện mua 1.196.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2019/HDCNCP ngày 24/04/2019 ký với ông Dương Văn Dũng về việc chuyển nhượng 350.000 cổ phần với giá 305.100VND/cổ phần, tổng giá trị là 106.785.000.000VND. Đến ngày 24/04/2019, Công ty đã thực hiện thanh toán hết toàn bộ giá trị chuyển nhượng cho ông Dương Văn Dũng.

- Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2019/HDCNCP ngày 24/04/2019 ký với bà Trịnh Thị Hoài Phương về việc chuyển nhượng 415.300 cổ phần với giá 305.100VND/cổ phần, tổng giá trị là 126.708.030.000VND. Đến ngày 10/05/2019, Công ty đã thực hiện thanh toán hết toàn bộ giá trị chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Hoài Phương.

- Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2019/HDCNCP ngày 09/05/2019 ký với ông Nguyễn Văn Hà về việc chuyển nhượng 152.000 cổ phần với giá 305.100VND/cổ phần, tổng giá trị là 46.375.200.000VND. Đến ngày 05/12/2019, Công ty đã thực hiện thanh toán hết toàn bộ giá trị chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Hà.

- Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2019/HDCNCP ngày 09/05/2019 ký với ông Đinh Duy Quỳnh về việc chuyển nhượng 279.300 cổ phần với giá 305.100VND/cổ phần, tổng giá trị là 85.214.430.000VND. Đến ngày 25/12/2019, Công ty đã thực hiện thanh toán hết toàn bộ giá trị chuyển nhượng cho ông Đinh Duy Quỳnh.

Sau khi nhận chuyển nhượng, tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên là 1.196.600 cổ phần, chiếm 17,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên.

(ii) Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội, giá mua không quá 20.000VND/cổ phần, số lượng cổ phần mua không quá 15.000.000 cổ phần. Qua đó, Công ty đã thực hiện mua 14.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng số 2903/HDCNCP ngày 29/03/2019 ký với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thaingroup với giá chuyển nhượng là 20.000 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 284.000.000.000 VND. Toàn bộ giá trị hợp đồng đã được Công ty thanh toán vào ngày 24/04/2019. Sau khi nhận chuyển nhượng, tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội là 14.200.000 cổ phần, chiếm 19,52% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Ông Nguyễn Đức Thụy	20,00%	107.800.000.000	35.158.500.000
Ông Trịnh Văn Hải	4,50%	24.255.000.000	
Bà Lê Thúy An	4,05%	21.856.000.000	
Ông Trịnh Văn Quỳnh	4,00%	21.560.000.000	
Ông Nguyễn Văn Tân	4,00%	21.560.000.000	
Ông Nguyễn Cao Cường	3,90%	21.021.000.000	
Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	0,00%	-	101.275.500.000
Các cổ đông khác	59,55%	320.948.000.000	500.000.000
Cộng	100%	539.000.000.000	136.934.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	136.934.000.000	136.934.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	402.066.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	539.000.000.000	136.934.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cổ phiếu	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.900.000	13.693.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.900.000	13.693.400
- Cổ phiếu phổ thông	53.900.000	13.693.400
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	53.900.000	13.693.400
- Cổ phiếu phổ thông	53.900.000	13.693.400
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

5.17 . Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
+ USD	68,23	23,60
+ EURO	2,47	31,27

5.18 . Các thông tin khác do doanh nghiệp tự giải trình, thuyết minh**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Doanh thu bán hàng hóa	749.291.610.469	100.339.718.882
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.171.018.776	10.911.818.182
Cộng	760.462.629.245	111.251.537.064
Doanh thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	103.523.877.460	95.735.282.820
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Thịnh (*)	-	4.201.143.103
Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Xuân Thành	1.049.133.634	
Công ty CP ĐT Thủy điện Quảng Nam	24.078.114.600	
Cộng	128.651.125.694	99.936.425.923

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Thịnh được nhận diện không còn là bên liên quan tại tháng 9 năm 2018.

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	669.857.074.003	96.560.778.155
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.224.491.873	7.192.188.069
Cộng	677.081.565.876	103.752.966.224

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	2.184.979	8.863.420.338
Lãi thanh lý các khoản đầu tư		3.240.000.000
Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	31.743	-
Cộng	2.216.722	12.103.420.338

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền vay	2.747.352.880	3.019.660.277
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	11.558.472.547	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.857	940.583
Cộng	14.305.840.284	3.020.600.860

6.6 Chi phí khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tiền phạt chậm nộp thuế	104.461.380	166.292.621
Cộng	104.461.380	166.292.621

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tiền thuê đất, thuê nhà	962.044.774	1.068.105.380
Chi phí nhân viên	5.746.090.841	2.257.091.693
Chi phí khấu hao	453.408.000	453.408.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	81.097.833	179.048.979
Thuế, phí, lệ phí	645.927.305	629.167.870
Chi phí dự phòng		93.300.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.636.364	11.361.932
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	350.354.596	1.025.629.990
Cộng	8.452.559.713	5.717.113.844

6.8 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	406.039.320	-
+ Chi phí nhân viên	276.881.445	-
+ Chi phí tư vấn môi giới	129.157.875	-
- Chi phí bán hàng khác	10.394.530	-
Cộng	416.433.850	-

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	5.746.090.841	2.257.091.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	458.520.000	458.520.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.794.239	1.258.516.291
Chi phí dự phòng	-	93.300.000
Chi phí bằng tiền khác	2.321.588.483	1.654.797.860
Cộng	8.868.993.563	5.722.225.844

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.103.984.864	10.697.984.173
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.684.041.930	4.845.114.023
+ Chi phí không được trừ	2.684.041.930	4.845.114.023
Chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn điều lệ chưa góp đủ trong năm	859.528.767	3.020.600.860
Chi phí thuê đất không hợp lý, hợp lệ	1.539.625.053	1.539.625.053
Phần khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ vượt 1,6 tỷ	284.888.110	284.888.110
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	62.788.026.794	15.543.098.196
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.557.605.359	3.108.619.639

6.11 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	47.546.379.505	7.589.364.534
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	41.452.477	13.693.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.147	554

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	47.546.379.505	7.589.364.534
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	41.452.477	13.693.400
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (*)	255.000.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	160	554

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành là 255.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000/cổ phiếu, thời gian dự kiến phát hành là quý II năm 2020 sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.307.089.928		10.307.089.928
Phải thu khách hàng	169.828.364.177		169.828.364.177
Đầu tư	-	649.082.660.000	649.082.660.000
Phải thu khác	8.482.193	500.000.000	508.482.193
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(93.300.000)	-	(93.300.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(11.558.472.547)	(11.558.472.547)
Tổng cộng	180.050.636.298	638.024.187.453	818.074.823.751
Các khoản vay và nợ	17.900.000.000	46.000.000.000	63.900.000.000
Phải trả người bán	129.897.877.620		129.897.877.620
Phải trả, phải nộp khác	410.678.291	5.778.786.491	6.189.464.782
Tổng cộng	148.208.555.911	51.778.786.491	199.987.342.402
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.842.080.387	586.245.400.962	618.087.481.349
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.686.199.710		10.686.199.710
Phải thu khách hàng	17.273.672.890		17.273.672.890
Đầu tư		-	-
Phải thu khác	78.727.115.278	-	78.727.115.278
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(93.300.000)		(93.300.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	106.593.687.878	-	106.686.987.878
Các khoản vay và nợ	34.400.000.000	-	34.400.000.000
Phải trả người bán	8.753.671.111		8.753.671.111
Phải trả, phải nộp khác	1.088.530	500.000.000	501.088.530
Tổng cộng	43.154.759.641	500.000.000	43.654.759.641
Chênh lệch thanh khoản thuần	63.438.928.237	(500.000.000)	63.032.228.237

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ bằng giá gốc trừ đi dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư	637.524.187.453	-	(*)	(*)
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>	169.743.546.370	95.907.488.168	169.743.546.370	95.907.488.168
<i>Tài sản tài chính khác</i>				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	10.307.089.928	10.686.199.710	10.307.089.928	10.686.199.710
Tổng cộng	817.574.823.751	106.593.687.878	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	63.900.000.000	34.400.000.000	63.900.000.000	34.400.000.000
<i>Phải trả người bán</i>	129.897.877.620	8.753.671.111	129.897.877.620	8.753.671.111
<i>Phải trả khác</i>	410.678.291	46.326.886	410.678.291	46.326.886
Tổng cộng	194.208.555.911	43.199.997.997	194.208.555.911	43.199.997.997

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.2 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý theo Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

8.3 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**8.4 . Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

- Nghị quyết ĐHCĐ bất thường lần 1 số 01/2019/Thaiholdings/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2019 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh tương ứng với số vốn góp 252.066.000.000VND và việc tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi các cổ đông góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh lên thêm 150.000.000.000VND.

- Nghị quyết ĐHCĐ số 2803/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 28/03/2019 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên và Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc miễn nhiệm thành viên và bổ nhiệm thành viên mới trong Hội đồng Quản trị, ủy quyền cho HĐQT quyết định các khoản đầu tư, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng tài sản Công ty tại báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán và quyết định các giao dịch với các bên liên quan, phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (dự kiến trong năm 2020), sửa đổi Điều lệ Công ty.

Nghị quyết HĐQT số 01/2020/QĐ-THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc bầu ông Nguyễn Chí Kiên đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024 từ ngày 29/02/2020.

Nghị quyết HĐQT số 03/2020/QĐ-THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua bổ nhiệm ông Vũ Đình Hưng đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 29/02/2020.

8.6 Thông tin về các bên liên quanCác bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	Hà Nội	Công ty được góp vốn, Tổng Giám đốc là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan
Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	Ninh Bình	Thành viên góp vốn là thành viên HĐQT của công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinakanto	Ninh Bình	Thành viên góp vốn là thành viên HĐQT của công ty
Công ty TNHH Đầu tư Thủy điện Quảng Nam	Quảng Nam	Cùng thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Thailand	Hà Nội	Cùng thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thaingroup	Hà Nội	Cùng thành viên góp vốn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	Hà Nội	Có liên quan với người liên quan
Ông Nguyễn Đức Thụy	Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Chí Kiên	Hà Nội	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Vũ Ngọc Định	Hà Nội	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày ở trên, trong năm Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ	14.955.924.309
	Thanh toán cho người bán	12.138.020.304
Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.876.265.206
	Thu tiền hàng	109.558.594.606
Công ty TNHH Đầu tư Thủy điện Quảng Nam	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.055.183.320
	Thu tiền hàng	26.485.926.060
Công ty Cổ phần Thailand	Thanh toán cho người bán	28.008.890
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thaingroup	Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	284.000.000.000
	Thanh toán tiền chuyển nhượng CP	284.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.154.046.997
	Thu tiền hàng	315.877.661
Ông Nguyễn Đức Thụy	Nộp tiền góp vốn	161.391.500.000
	Trả trước cho người bán	22.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.6 . Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Ông Nguyễn Chí Kiên	Thu tiền lãi cho vay	287.115.278
	Nộp tiền góp vốn	87.300.000.000
	Vay cá nhân	15.000.000.000
	Trả tiền vay cá nhân	15.000.000.000
	Thu tiền phải thu khác	287.115.278
Ông Vũ Ngọc Định	Nộp tiền góp vốn	153.374.500.000
	Vay cá nhân	15.000.000.000
	Trả tiền vay cá nhân	15.000.000.000

Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Nguyễn Văn Thủy	Tổng Giám đốc	4.000.000	24.000.000
Vũ Ngọc Định	Tổng Giám đốc	455.630.000	-
Vũ Hoàng	Phó Tổng giám đốc	113.776.666	246.000.000
Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng giám đốc	360.000.000	-
Dương Văn Nhất	Phó Tổng giám đốc	21.630.000	-
Nguyễn Trọng Thủy	Phó Tổng giám đốc	103.200.000	-
Nguyễn Thị Phương	Kế toán trưởng	399.270.000	101.000.000
Cộng		1.457.506.666	371.000.000

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Hiếu

Nguyễn Thị Thanh Hà



Vũ Đình Hưng

ÔNG TY
CỔ PHẦN
I HOLDINGS

KIỂM - TP. HÀ NỘI

our values

passion
teamwork
clarity
quality
integrity



Head Office: 10th and 12th Floor, Center Building, No.1
Nguyen Huy Tuong Street, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 6664 4488 Fax: +84 24 6664 2233
Email: pkfvietnam@pkf.com.vn

Hanoi Office: R. 1501, 17T5 Building
Hoang Dao Thuy Street, Thanh Xuan District
Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 2221 0082 Fax: +84 24 2221 0084
Email: pkf.hn@pkf.com.vn

Ho Chi Minh City Branch: No. 28
Nguyen Thi Dieu Street, Ward 6
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 28 3933 3444 Fax: +84 28 3930 8769
Email: pkf.hcm@pkf.com.vn